

PTN/Số: HA.25.12190

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2025

PYC.251218.12

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH DIVACO**
- Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH TOYOTA BẾN TRE**
Số 186A, Khu phố Phước Thạnh, Phường Sơn Đông, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
- Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.25.12190	Giám sát chất lượng nước thải đầu ra HTXL nước thải	565948 1137224	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 8880 – 2011	Ngà nhiều căn li ti

- Ngày lấy mẫu: 18/12/2025 Thời gian thử nghiệm: 19/12/2025 - 29/12/2025
- Ngày trả kết quả: 29/12/2025
- Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	pH ^(*) (a)	--	TCVN 6492:2011	2 – 12
2	TSS ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6625:2000	5,0 mg/L
3	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	1,0 mg/L
4	COD ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	3,0 mg/L
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,02 mg/L
6	Tổng Nitơ ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6638:2000	3,0 mg/L
7	Tổng Photpho ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,03 mg/L
8	Tổng dầu mỡ khoáng ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,5 mg/L
9	Tổng Coliform ^(*)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	1,8 MPN/100mL

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A kq=0,9; kf=1,2
			HA.25.12190	
1.	pH ^(*) (a)	--	8,4	6 – 9
2.	TSS ^(*) (a)	mg/L	16	54
3.	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	8	32,4
4.	COD ^(*) (a)	mg/L	22	81
5.	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	mg/L	0,53	5,4
6.	Tổng Nito ^(*) (a)	mg/L	KPH	21,6
7.	Tổng Photpho ^(*)	mg/L	1,33	4,32
8.	Tổng dầu mỡ khoáng ^(*) (a)	mg/L	<4,5	5,4
9.	Tổng Coliform ^(*)	MPN/100mL	KPH	3000

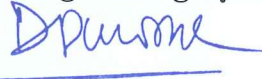
Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

^(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Phòng Thử Nghiệm



ThS. Tạ Duy Phương

Giám Đốc Kỹ Thuật




Thái Lê Nguyên

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PTN/Số: HA.25.12188-12189
 PYC.251218.12

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH DIVACO**
- Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH TOYOTA BẾN TRE**
 Số 186A, Khu phố Phước Thạnh, Phường Sơn Đông, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
- Loại mẫu: **Khí thải**

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Thông tin mẫu
HA.25.12188	Đầu ra hệ thống xử lý khí thải của phòng sơn sậy 1: 15.000m ³ khí/giờ	565994 1137174	T=28°C P _s =757,73mmHg
HA.25.12189	Đầu ra hệ thống xử lý khí thải của phòng sơn sậy 2: 15.000m ³ khí/giờ	565996 1137174	T=28°C P _s =757,80mmHg

- Ngày lấy mẫu: 18/12/2025 Thời gian thử nghiệm: 19/12/2025 - 29/12/2025
- Ngày trả kết quả: 29/12/2025
- Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện / Phạm vi đo
1	Lưu lượng(*)	m ³ /h	US EPA 02	US EPA 02	0 – 3.677.000 m ³ /h
2	Bụi (PM) (*)	mg/Nm ³	US EPA 05	US EPA 05	4,0 mg/Nm ³
3	Toluen(*)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	CEN/TS 13649:2014	0,05 mg/Nm ³
4	Xylen (o-, m-, p-)(*)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	CEN/TS 13649:2014	0,05 mg/Nm ³

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm		QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
			HA.25. 12188	HA.25. 12189		
1.	Lưu lượng(*)	m ³ /h	13.528	13.451	--	--
2.	Bụi (PM) (*)	mg/Nm ³	<12	<12	200	--
3.	Toluen(*)	mg/Nm ³	0,85	0,86	--	750
4.	Xylen (o-, m-, p-)(*)	mg/Nm ³	1,04	1,17	--	870

Ghi chú: (*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

KPH: Không phát hiện

QCVN 19:2009/ BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ -Cột B

QCVN 20:2009/ BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp với một số chất hữu cơ

Phòng Thử Nghiệm

D. Phuong

ThS. Tạ Duy Phương



Giám Đốc Kỹ Thuật

Thái Lê Nguyên
 Thái Lê Nguyên

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PTN/Số: HA.25.12332-12333
 PYC.251222.05

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH DIVACO**
- Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH TOYOTA BẾN TRE**
Số 186A, Khu phố Phước Thạnh, Phường Sơn Đông, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
- Loại mẫu: **Khí thải**

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Thông tin mẫu
HA.25.12332	Đầu ra hệ thống xử lý khí thải của 02 phòng sơn nhanh 1 và 2: 10,000m ³ khí/giờ	566004 1137155	T=33°C P _s =754,80mmHg
HA.25.12333	Đầu ra hệ thống xử lý khí thải của 02 phòng sơn nhanh 3 và 4: 10.000m ³ khí/giờ	566006 1137156	T=33°C P _s =755,40mmHg

- Ngày lấy mẫu: 22/12/2025 Thời gian thử nghiệm: 22/12/2025 - 31/12/2025
- Ngày trả kết quả: 31/12/2025
- Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện /Phạm vi đo
1	Lưu lượng(*)	m ³ /h	US EPA 02	US EPA 02	0 – 3.677.000 m ³ /h
2	Bụi (PM) (*)	mg/Nm ³	US EPA 05	US EPA 05	4,0 mg/Nm ³
3	Toluen(*)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	CEN/TS 13649:2014	0,05 mg/Nm ³
4	Xylen (o-, m-, p-)(*)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	CEN/TS 13649:2014	0,05 mg/Nm ³

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm		QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
			HA.25.12332	HA.25.12333		
1.	Lưu lượng(*)	m ³ /h	6.273	7.723	--	--
2.	Bụi (PM) (*)	mg/Nm ³	KPH	KPH	200	--
3.	Toluen(*)	mg/Nm ³	1,98	1,51	--	750
4.	Xylen (o-, m-, p-)(*)	mg/Nm ³	1,99	1,69	--	870


Ghi chú: (*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

KPH: Không phát hiện

QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ -Cột B

QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp với một số chất hữu cơ

Phòng Thử Nghiệm



ThS. Tạ Duy Phượng



Giám Đốc Kỹ Thuật



Thái Lê Nguyễn

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu